

Số: 225/2021/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 26 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi và thời gian được hưởng chế độ
hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV
và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết
toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 26/TTr-UBBC ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban bầu
cử tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi và thời gian
được hưởng chế độ hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử Quốc hội khóa XV và đại
biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Mức chi hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và
đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 gồm:

1. Chi tổ chức hội nghị, tập huấn;
2. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử;
3. Chi bồi dưỡng cho những người tham gia phục vụ trong đợt bầu cử;
4. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động;
5. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử;
6. Chi đóng hòm phiếu, khắc dấu, bảng niêm yết danh sách bầu cử, xây
dựng báo cáo tổng kết cuộc bầu cử.

Mức chi cụ thể quy định tại Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ

Thời gian được hưởng các khoản bồi dưỡng, hỗ trợ của những người tham
gia phục vụ trong đợt bầu cử tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử,
từ thời điểm Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử, các Tổ giúp

việc... được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền cho đến khi kết thúc nhiệm vụ theo quy định, chậm nhất đến hết ngày 22 tháng 6 năm 2021.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu nhiệm vụ công tác, dự toán kinh phí được phân bổ và khả năng ngân sách của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách huyện, thành phố để phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị sử dụng các phương tiện, trang thiết bị phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện, trang thiết bị đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp một người thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất.

4. Các nội dung chi không quy định mức chi cụ thể tại Nghị quyết này, các cơ quan, đơn vị thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban bầu cử tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 26 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VP HĐND quốc gia;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công TTĐT tỉnh, Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm CB-TH; Chi cục VT, LT;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Trần Đức Quận



Phụ lục
MỨC CHI PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 225 /2021/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

TT	Nội dung chi, đối tượng được hưởng	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị, tập huấn				
1.1	Chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng		
1.2	Chi tổ chức tập huấn cho các bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 106/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng		
2	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử (ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành)				
2.1	Trưởng đoàn giám sát	người/buổi	150.000	120.000	80.000
2.2	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	người/buổi	70.000	60.000	40.000
2.3	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát				
a	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	người/buổi	50.000	50.000	30.000
b	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	người/buổi	30.000	30.000	20.000
2.4	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	báo cáo	900.000	450.000	250.000
3	Chi bồi dưỡng cho những người tham gia phục vụ trong đợt bầu cử				
3.1	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng				
a	Ban chỉ đạo, Chủ tịch Ủy ban bầu cử	người/tháng	1.300.000	800.000	500.000
b	Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử	người/tháng	1.150.000	650.000	400.000
c	Ủy viên và thư ký Ủy ban bầu cử	người/tháng	1.000.000	500.000	300.000
d	Trưởng ban Ban bầu cử	người/tháng	900.000	600.000	300.000
đ	Phó Trưởng ban, ủy viên và thư ký Ban bầu cử	người/tháng	800.000	550.000	250.000
e	Tổ trưởng Tổ bầu cử	người/tháng			300.000
g	Ủy viên và thư ký Tổ bầu cử	người/tháng			250.000
h	Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử và Tổ giúp việc Ban bầu cử	người/tháng	600.000	400.000	250.000

TT	Nội dung chi, đối tượng được hưởng	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
3.2	Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử				
a	Thời gian huy động, trưng tập không quá 15 ngày	người/ngày	60.000	45.000	30.000
b	Thời gian huy động, trưng tập hơn 15 ngày	người/tháng	900.000	700.000	450.000
c	02 ngày (ngày trước bầu cử và ngày bầu cử)	người/ngày	150.000	150.000	150.000
4	Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động				
4.1	Ban chỉ đạo, Chủ tịch Ủy ban bầu cử	người/tháng	300.000	200.000	150.000
4.2	Phó chủ tịch Ủy ban bầu cử	người/tháng	250.000	160.000	120.000
4.3	Ủy viên và thư ký Ủy ban bầu cử	người/tháng	200.000	120.000	100.000
4.4	Trưởng Ban bầu cử	người/tháng	200.000	120.000	100.000
4.5	Phó trưởng Ban bầu cử; Ủy viên, thư ký Ban bầu cử	người/tháng	160.000	100.000	80.000
4.6	Tổ trưởng Tổ bầu cử	người/tháng			80.000
4.7	Ủy viên, Thư ký Tổ bầu cử	người/tháng			60.000
4.8	Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử và Tổ giúp việc Ban bầu cử	người/tháng	150.000	100.000	60.000
5	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
5.1	Người được giao trực tiếp công dân	người/buổi	80.000	80.000	80.000
5.2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	người/buổi	50.000	50.000	50.000
5.3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	người/buổi	30.000	30.000	30.000
6	Chi đóng hòm phiếu, khắc dấu, bảng niêm yết danh sách bầu cử, xây dựng báo cáo tổng kết cuộc bầu cử				
6.1	Đóng hòm phiếu trong trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	hòm phiếu			Tối đa 350.000
6.2	Khắc dấu trong trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	dấu	Tối đa 250.000	Tối đa 250.000	Tối đa 250.000
6.3	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử trong trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	bảng			Tối đa 1.500.000
6.4	Chi xây dựng báo cáo tổng kết cuộc bầu cử	báo cáo	2.000.000	1.500.000	1.000.000